

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI



NIÊN GIÁM THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

Chủ biên: PGS.TS. NGUYỄN VĂN DÂN

SỐ 2

Một số kết quả nghiên cứu mới về di tích Hoàng thành Thăng Long

Môi trường văn hóa ở Việt Nam

Xã hội thông tin hay xã hội tri thức?

Chỉ số Hạnh phúc (HPI) của Việt Nam trong 178 nước năm 2006

Tình hình thế giới năm 2006

Kinh tế Việt Nam trước bước ngoặt gia nhập WTO

Thị trường tiềm năng châu Phi

Hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý năm 2006

Nghiên cứu sử học năm 2006

Khoa học ngữ văn năm 2006

Nghiên cứu dư luận xã hội về hoạt động của Quốc hội

Hôn nhân gia đình qua tổng quan báo viết 2005-2006

Hệ thống thông tin khoa học hiện nay

Sử dụng khung phân loại Dewey-DDC trong hệ thống thư viện nước ta

Vai hình ảnh về hoạt động của Viện Thông tin KHXH

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI



VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

NIÊN GIÁM
THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

SỐ 2

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI – 2007

Các tác giả:

PGS., TS. Nguyễn Văn Dân (chủ biên)

Phạm Quỳnh An

TS. Nguyễn Huy Cẩn

Đặng Thành Công

ThS. Nguyễn Thị Hồ Diệp

Nguyễn Thị Thanh Hoà

TS. Nguyễn Thị Luyến

PGS., TS. Mai Quỳnh Nam

Nguyễn Thu Nguyệt

PGS. TS. Hồ Sĩ Quý

Đào Duy Tân

PGS., TS. Tống Trung Tín

Trương Thị Thu Trang

ThS. Trần Mạnh Tuấn

TS. Phạm Thái Việt

MỤC LỤC

- ◆ Một số kết quả nghiên cứu mới về khu di tích
Hoàng thành Thăng Long 7
PGS., TS. TỔNG TRUNG TÍN
- ◆ Về môi trường văn hóa và môi trường văn hóa ở
Việt Nam 19
PGS., TS. HỒ SĨ QUÝ
- ◆ Xã hội thông tin hay xã hội tri thức? 35
PGS., TS. NGUYỄN VĂN DÂN
- ◆ Nghiên cứu định lượng về hạnh phúc và chỉ số hạnh
phúc (HPI) của Việt Nam trong 178 nước năm 2006 55
PGS., TS. HỒ SĨ QUÝ
- ◆ Tổng quan tình hình thế giới năm 2006 75
TS. PHẠM THÁI VIỆT
- ◆ Kinh tế Việt Nam trước bước ngoặt gia nhập WTO 109
TS. NGUYỄN THỊ LUYẾN
- ◆ Thị trường tiềm năng châu Phi và một số vấn đề về
quan hệ hợp tác, thương mại Việt Nam - châu Phi 127
TS. DINH THỊ THƠM
- ◆ Tổng quan hoạt động nghiên cứu khoa học
pháp lý năm 2006 153
ThS. NGUYỄN THỊ HỒ DIỆP
TRƯỜNG THỊ THU TRANG

- ◆ Tình hình nghiên cứu sử học năm 2006 189
NGUYỄN THỊ THANH HÒA
- ◆ Tình hình khoa học ngữ văn năm 2006 205
TS. NGUYỄN HUY CẨN
PHẠM QUỲNH AN
- ◆ Nghiên cứu dư luận xã hội về hoạt động của Quốc hội 243
PGS., TS. MAI QUỲNH NAM
- ◆ Một số vấn đề về quan hệ hôn nhân - gia đình:
tổng quan báo viết 2005-2006 255
NGUYỄN THU NGUYỆT
DẶNG THÀNH CÔNG
- ◆ Về xu thế phát triển hệ thống thông tin khoa học
giai đoạn hiện nay 285
ThS. TRẦN MẠNH TUẤN
- ◆ Tiến tới sử dụng khung phân loại thập phân
Dewey- DDC làm công cụ phân loại thống nhất
cho hệ thống thư viện ở nước ta 309
ĐÀO DUY TÂN
- ◆ Vài hình ảnh về hoạt động của Viện Thông tin
Khoa học xã hội 2006 - 2007 333

Một số kết quả nghiên cứu mới về khu di tích Hoàng thành Thăng Long

TỔNG TRUNG TIN (*)

Như ta biết, khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội nằm trong một khu vực rộng lớn, trong đó diện tích đã và đang khai quật là 19.000m². Các dấu tích xuất lộ nằm phân bố ở 4 khu A, B, C, D (theo kí hiệu của khảo cổ học). Để nghiên cứu đánh giá hệ thống toàn bộ các di tích đã xuất lộ tại các khu, công việc quan trọng đầu tiên là phải xác định chuẩn mặt bằng và phương hướng của các dấu tích kiến trúc đó. Muốn như vậy thì cần phải xác định mốc chuẩn và phải xây dựng hệ thống lưới tọa độ và cao độ quốc gia chuẩn, mang tính quốc tế tại khu di tích. Chúng tôi gọi đây là lưới tọa độ Hoàng thành Thăng Long. Cũng xin nói ngay rằng, công việc xây dựng lưới tọa độ và cao độ quốc gia vào các khu di tích khảo cổ là việc làm mới ở Việt Nam, nhưng nó đã được áp dụng khá phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là Nhật Bản và Hàn Quốc.

Công việc xây dựng lưới tọa độ nêu trên là nhằm mục tiêu nghiên cứu, đánh giá và xây dựng hồ sơ khoa học các dấu tích kiến trúc của Hoàng thành theo tiêu chuẩn của khảo cổ học đô thị quốc tế, lưới tọa độ chuẩn này có ý nghĩa:

- Làm cho việc nghiên cứu mặt bằng kiến trúc trên một diện rộng, có quy mô lớn được thực hiện chính xác, có tính khoa học cao và tạo ra những khả năng nghiên cứu so sánh khá chuẩn xác đối với các di tích kiến trúc của từng thời kỳ nằm phân bố ở nhiều vị trí khác nhau hay được khai quật nghiên cứu ở những thời điểm khác nhau.

(*) PGS. TS., Phó Viện trưởng Viện Khảo cổ học.

- *Làm tăng giá trị khoa học của hồ sơ di tích do có độ tin cậy cao từ việc xử lý chính xác về mặt số liệu qua hệ thống tọa độ và cao độ chuẩn.*

Để xây dựng hệ thống lưới tọa độ Thăng Long theo tiêu chuẩn quốc tế, Viện Khảo cổ học đã phối hợp với các chuyên gia Nhật Bản triển khai thực hiện từ cuối năm 2006 và đến nay các công việc chính cơ bản đã hoàn thành.

Kết quả của việc đặt lưới tọa độ Thăng Long:

- Đã xác định được cao độ và tọa độ chuẩn của trục trung tâm là khu vực Đoan Môn và điện Kính Thiên là nằm lệch Bắc 5'. Tọa độ của điện Kính Thiên nằm ở 21°02'14.935 vĩ độ Bắc và 105°50'18.566" kinh độ Đông. Tọa độ của khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu (lấy mốc HT20 - khu A) là 21°02'21.898" vĩ độ Bắc và 105°50'13.578" kinh độ Đông.

I. Nhận thức từ những nghiên cứu mặt bằng dấu tích kiến trúc

Sau khi tạm dừng khai quật, Viện Khảo cổ học đã tập trung vào việc hoàn chỉnh hệ thống các bản vẽ về di tích, ghép nối các bản vẽ, đồng thời triển khai nghiên cứu mặt bằng, kết cấu, kỹ thuật xây dựng và mối quan hệ niên đại và tính chất của các loại hình di tích kiến trúc đã xuất lộ tại khu di tích.

Cũng xin nói ngay rằng, do tính chất phức tạp và do nhiều dấu tích chưa khai quật làm xuất lộ hết, nên công việc nghiên cứu phân định mặt bằng, đánh giá tính chất, qui mô, cấu trúc là rất khó khăn. Hiện nay, Viện Khảo cổ học đang tiếp tục triển khai nghiên cứu theo đúng kế hoạch đã đề ra. Cũng do đang triển khai nghiên cứu, nên tại thời điểm này chưa có đủ thời gian để nhận thức đầy đủ toàn bộ mặt bằng các di tích đã xuất lộ. Tuy nhiên, sau 2 năm nghiên cứu, có thể nêu ra đây một số kết quả nghiên cứu ban đầu về một số loại hình di tích thời Lý - Trần như sau:

1. Một số kiến trúc cung điện tiêu biểu:

Theo sử cũ thì xung quanh khu vực điện Càn Nguyên (tức là điện Thiên An và Kính Thiên), các triều đại đều đã tiến hành

xây dựng rất nhiều cung điện và lầu các. Trong đó, sử cũng ghi chép về các lần trùng tu, tôn tạo và xây dựng mới với cả những mô tả đôi dòng về kiến trúc nhiều tầng có bộ mái được trang trí tráng lệ.

Nhưng bằng chứng của khảo cổ học hôm nay chủ yếu chỉ tìm thấy vết tích còn lại của các nền móng kiến trúc cung điện, lầu các trong Cẩm thành Thăng Long xưa. Nhưng nếu nghiên cứu kỹ hệ thống nền móng đó ta có thể hiểu được mặt bằng của từng đơn nguyên kiến trúc cũng như diện mạo tổng thể chung của các kiến trúc trong khu vực. Lý do đơn giản là các kiến trúc cung điện trong Hoàng thành và Cẩm thành Thăng Long xưa, cũng như di tích Kinh đô của nhiều nước châu Á trong cùng bối cảnh, thường là khung nhà bằng gỗ chịu lực và thành phần chịu lực chủ yếu là các cột nhà. Vì vậy, các chân cột thường được chú ý kê đỡ và gia cố với hai thành phần chính là chân tảng và móng trụ.

Dấu tích kiến trúc xuất lộ tại khu di tích được nhận biết khá rõ qua hệ thống các loại hình móng trụ. Các móng trụ đó xếp thành từng hàng, từng dãy, nằm đan xen, đôi khi chồng xếp lên nhau và có hình vuông hoặc hình tròn, được làm bằng nhiều loại chất liệu:

- Móng trụ được làm bằng gạch.
- Móng trụ được làm bằng gỗ.
- Móng trụ được làm bằng mảnh sành.
- Móng trụ được làm bằng sỏi.
- Móng trụ được làm bằng sỏi kết hợp với gạch, ngói vỡ vụn.
- Móng trụ được làm bằng gạch vỡ vỡ lẫn lộn với đất và đồ gốm.

Nghiên cứu so sánh hệ thống, các nhà khảo cổ học đã đưa ra nhận thức quan trọng rằng, móng trụ chính là vết tích còn lại của các công trình kiến trúc gỗ, mang đặc trưng cơ bản để nhận diện mặt bằng, quy mô và cấu trúc của các di tích kiến trúc gỗ đó. Bởi vì, hình dung mỗi móng trụ là vị trí của một cột gỗ ta có thể nhận biết rõ ràng về qui mô của công trình kiến trúc. Mặt khác, chức năng của các móng trụ này cũng được khẳng định rõ là móng gia cố chống lún cho toàn bộ kiến trúc. Bằng chứng cho nhận định này

được dựa vào những chân tảng đá còn nằm nguyên ở vị trí ban đầu, như trường hợp ở hố A20, B16. Phía dưới các chân tảng đá đều là các móng trụ, hay nói cách khác, bên trên các móng trụ thường đặt các chân tảng đá dùng để kê cột gỗ có kích thước tương đối lớn. Thuật ngữ chuyên môn gọi là *móng trụ*.

Trừ các loại móng trụ gạch và gỗ có kỹ thuật làm giản đơn, các loại móng trụ khác được làm bằng kỹ thuật khá giống nhau: Mỗi móng trụ được đào một hố vuông hoặc tròn, sâu trung bình 1.0m - 1.50m, rộng từ 1.10m - 1.90m, sau đó đổ từng lớp vật liệu (sỏi hoặc gạch, ngói, mảnh sành vỡ nhỏ) kết hợp với đất sét và lần lượt đầm nện rất chặt, như cách đổ "bê tông" của xây dựng hiện nay.

Xin nhấn mạnh rằng, kỹ thuật gia cố móng trụ là một thành tựu lớn của người Việt trong việc xây dựng các kiến trúc cổ truyền Việt Nam. Nó được phát minh trong điều kiện người Việt cần xây dựng các kiến trúc rất lớn và nặng trên nền đất của đồng bằng châu thổ với sông hồ dày đặc. Thực tế các cuộc khai quật đều cho thấy bộ khung gỗ Việt cổ truyền đã chịu sức nặng rất lớn với đủ các thành phần vật liệu kiến trúc và trang trí kiến trúc bằng gỗ và đất nung. Để có thể xây dựng thành công, người ta đã tìm cách gia cố móng trụ rất kỹ và cẩn thận. Việc gia cố móng sỏi trước đây cũng đã gặp ở một số kiến trúc kiên cố, chủ yếu thuộc thời kỳ Lý - Trần, ví dụ như tháp Chương Sơn (thời Lý, 1017), tháp Phổ Minh (thời Trần, 1305-1310). Khi đào kiểm tra về kỹ thuật xây dựng móng của các tháp này, người ta đều đã tìm thấy hiện tượng dùng sỏi hoặc đá cuội để gia cố chống lún.

Việc sử dụng sỏi trong việc xây dựng tháp Chương Sơn hay tháp Phổ Minh một mặt chứng minh tính phổ biến của kỹ thuật sử dụng sỏi trong thời Lý - Trần, mặt khác chứng minh các công trình kiến trúc ở 18 Hoàng Diệu đều là các công trình kiến trúc rất lớn và nặng. Kỹ thuật này thực ra vốn đã được bắt đầu từ thời Đinh - Lê thế kỷ X. Tại khu vực chùa Nhất Trụ, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy các trụ móng được làm rất kiên cố bằng gỗ lim và đá. Đến thời Lý - Trần, kỹ thuật gia cố móng trụ bằng sỏi, gạch, ngói vụn, sành vụn đã được thực hiện một cách hoàn hảo, quy mô, chắc chắn